



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA
TAICERA ENTERPRISE COMPANY
大同奈陶瓷工業股份公司

TÀI LIỆU ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
ANNUAL SHAREHOLDERS'
MEETING
常年股東大會資料

MỤC LỤC

1. Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019.....	3
2. Báo cáo Kế hoạch dự kiến đầu tư và sản xuất kinh doanh 2020	4
3. Ban kiểm soát báo cáo Kết quả kiểm tra trong năm 2019.....	6
4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất 2019 đã kiểm toán.....	8
5. Tờ trình báo cáo phân phối lợi nhuận năm 2019	9
6. Lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2020.....	10
7. Tờ trình về việc thay đổi Quỹ đầu tư phát triển	11
8. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019.....	12

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020

Thời gian tổ chức : 14 giờ 00, ngày 24 tháng 04 năm 2020 (thứ Sáu)

Địa điểm : Văn phòng trụ sở chính Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera, KCN Gò Dầu, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Thời gian	Nội dung
13:30	Đón khách và Kiểm tra tư cách cổ đông
14:00	1. Tuyên bố lý do khai mạc và giới thiệu Đại biểu khách mời, thành phần tham dự 2. Công bố báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông, bắt đầu cuộc họp 3. Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban thẩm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu, Đại hội biểu quyết thông qua. 4. Đọc Chương trình Đại hội, đại hội biểu quyết thông qua 5. Chủ tịch HĐQT phát biểu 6. Nội dung báo cáo và thảo luận (1) Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 (2) Báo cáo Kế hoạch dự kiến đầu tư và SXKD năm 2020 (3) Ban kiểm soát báo cáo kết quả kiểm tra trong năm 2019 (4) Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất 2019 đã kiểm toán (5) Tờ trình báo cáo về phân phối lợi nhuận 2019 (6) Tờ trình về Lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm 2019 (7) Tờ trình về việc thay đổi Quỹ đầu tư phát triển
	7. Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung nêu trên
15:15	8. Giải lao, tiệc nhẹ
15:45	9. Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua các vấn đề trên Đại hội.
16:00	10. Đại diện Ban thư ký đọc Nghị quyết Đại hội và Đại hội biểu quyết thông qua
16:15	11. Bế mạc

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH ĐẦU TƯ DỰ KIẾN NĂM 2020

Lời đầu tiên, tôi xin thay mặt đội ngũ kinh doanh Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ TAIERA, gửi lời cảm ơn chân thành đến các vị cổ đông đã luôn ủng hộ và đồng hành cùng công ty trong suốt thời gian qua.

Lượng tiêu thụ của công ty trong năm 2019 là 7.417.818 m², giảm 23,6% so với năm 2018, doanh thu bán hàng đạt 1.119,6 tỷ đồng, giảm 18,2% so với năm 2018, tỷ lệ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu lần lượt chiếm 74,4% và 25,6%.

Sản lượng tiêu thụ sản phẩm phân theo thị trường năm 2018-2019

Đơn vị tính: m²

Đơn vị tính: m

Năm	2018		2019	
	Trong nước	Xuất khẩu	Trong nước	Xuất khẩu
Lượng tiêu thụ	7.324.147	2.381.587	5.519.910	1.897.909
Tỷ trọng(%)	75,5%	24,5%	74,4%	25,6%
Lượng tiêu thụ cả năm	9.705.734		7.417.819	
Tỷ lệ tăng giảm lượng tiêu thụ cả năm(%)				(23,6%)

Các chỉ tiêu tài chính của Công ty năm 2018-2019

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Năm 2018	Năm 2019
Doanh thu bán hàng	1.369.245.628.068	1.119.649.029.151
Các khoản giảm trừ	19.952.076.478	18.373.372.238
Doanh thu thuần về bán hàng	1.349.293.551.590	1.101.275.656.913
Giá vốn hàng bán	1.211.047.830.923	911.833.671.213
Lợi nhuận gộp về bán hàng	138.245.720.667	189.441.985.700
Lợi nhuận thuần trước thuế	(116.838.315.404)	8.165.044.774
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(2.630.935.282)	30.497.834
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	(114.207.380.122)	8.134.546.940
Lợi nhuận thuần sau thuế (cty mẹ)/ doanh thu thuần	-8,5%	0,7%

Lượng bán hàng trong năm 2019 tuy có giảm so với năm 2018, nhưng công ty đã có bước cải tiến lớn trong sản xuất, tiếp tục nâng cao năng suất tỷ lệ đạt, đồng thời giảm tỷ lệ phế phẩm, và chi phí sản xuất giảm, nhờ đó phương diện kinh doanh đã có những chuyển biến tích cực. Về mặt kinh doanh, sản phẩm mới đã được sự công nhận của khách hàng, đơn giá bán hàng bình quân tăng lên. Về mặt quản lý, nội địa hóa nguồn nhân lực, cán bộ nước ngoài chủ yếu đảm nhiệm công việc chỉ đạo và giám sát, cũng như tăng cường khả năng thực hành của cán bộ Việt nam, hai bên hỗ trợ bổ sung cho nhau để tạo thành một đội ngũ quan trọng trong công ty làm tăng hiệu suất. Do đó, Công ty đã chuyển từ lỗ sang có lợi nhuận trong năm 2019.

Thị trường ngành xây dựng trong nước của Việt Nam trong năm 2019 tương đối ổn định, bên cạnh đó khách hàng trong và ngoài nước rất tin tưởng vào chất lượng sản phẩm và dịch vụ bán hàng của Taicera, về mặt kinh doanh công ty cũng đã không ngừng mở rộng khu vực bán hàng và các kênh tiếp thị, từ đó khiến thị trường trong nước cải thiện tăng lên. Tuy nhiên, sản lượng xuất khẩu của Công ty cũng giống như của năm 2018, một số quốc gia có tỷ lệ bán hàng xuất khẩu cao và lượng xuất khẩu tương đối lớn như Châu Âu, Đài Loan và các nước trong khối ASEAN, v.v... đã phải chịu sự tác động ảnh hưởng bởi bất ổn về chính trị hoặc suy thoái về kinh tế của nước họ, dẫn đến lượng tiêu thụ gạch bị sụt giảm. Cộng thêm tình hình bán phá giá của Ấn Độ, khiến cho sản lượng xuất khẩu của Công ty trong 2019 vẫn chưa có chuyển biến rõ rệt.

Triển vọng năm 2020, do tình hình dịch bệnh đã làm cho nền kinh tế Thế giới và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh chịu ảnh hưởng rất lớn. Phương án ứng phó của TAICERA chính là: Đối với thị trường trong nước, ngoài thương hiệu TAICERA, Công ty dự kiến sẽ giảm sản lượng đối với nhãn hiệu TKG và Tekknia, giảm lượng tồn kho giúp công ty có thêm nguồn vốn lưu động để ứng phó với những rủi ro có thể xảy ra do tình hình dịch bệnh hiện nay, đồng thời tiếp tục công việc đổi mới, thiết kế và sửa sang lại phòng trưng bày sản phẩm mới của các chi nhánh và cửa hàng đại lý, mở rộng kênh bán hàng kinh doanh của công ty nhằm gia tăng lượng tiêu thụ trong nước. Bên cạnh đó, trong thời đại của sự thay đổi nhanh chóng, chúng tôi bắt đầu thiết lập dữ liệu kinh doanh nghiêm ngặt, đồng thời phân tích thường xuyên những thông tin được cung cấp trên cơ sở dữ liệu, để từ đó hiểu được nhu cầu của khách hàng và đưa ra đánh giá xác thực nhất.

Sản lượng gạch men ở Việt nam đứng thứ 5 trên toàn Thế giới, sự cạnh tranh thị trường ngày càng khốc liệt, chất lượng sản phẩm của các công ty cùng ngành cũng được nâng cao, tạo điều kiện cho TAICERA có cơ hội tận dụng thương hiệu và đường lối sẵn có của chúng tôi tìm kiếm đối tác OEM thích hợp, trước đây do cả hai đều làm cùng một ngành nên rất nhiều nhà máy không muốn triển khai OEM nhưng hiện tại đã có sự đồng thuận và họ sẵn sàng tích hợp các nguồn lực cũng như sẵn sàng hợp tác với nhau. Xu hướng sắp tới của TAICERA là nghiên cứu, đổi mới, thương hiệu, kênh tiêu thụ cũng như tìm kiếm đối tác hợp tác sản xuất và gia công. Do đó, một trong những mục tiêu của năm 2020 chính là tăng cường đội ngũ quản lý chất lượng sản phẩm của TAICERA (QC), kiểm soát chặt chẽ các sản phẩm OEM.

Về mặt mở rộng phát triển thị trường, do tình hình dịch bệnh nên chưa thể sắp xếp cuộc gặp gỡ trao đổi trực tiếp với khách hàng trong và ngoài nước, đồng thời các buổi triển lãm gạch với quy mô lớn nhất Thế giới ở Italy, triển lãm Covering tại Mỹ, và triển lãm Vietbuild tổ chức trong nước mà công ty tham gia hàng năm đều bị tạm hoãn. Đối với mô hình tiếp thị kinh doanh, chúng tôi đã thực hiện sự thay đổi rất lớn, những sản phẩm mới được dày công thiết kế nghiên cứu ra đã được bày bán giới thiệu qua mạng Internet, thông qua kênh bán hàng mới qua mạng Internet để giải quyết những bất cập do tình hình dịch bệnh, như không thể tổ chức được những buổi triển lãm cũng như không thể gặp gỡ trực tiếp khách hàng, không thể giới thiệu sản phẩm mới đến khách hàng nắm bắt, bên cạnh đó, chúng tôi đã chuẩn bị rất nhiều mẫu sản phẩm mới để gửi trực tiếp tới khách hàng, nhân viên tiếp thị sẽ theo dõi và xử lý trao đổi ý kiến cùng khách hàng. Bên cạnh đó, tại các nước Asean như Philippines, Myanmar, Indonesia, Malaysia, v.v..., đều có bố trí nhân viên kinh doanh của riêng công ty, nhằm tăng cường các kênh tiếp thị bán hàng của khối Đông Nam Á, cũng chính là củng cố bền vững tại Việt nam, thâm nhập các nước Asean và mở rộng phát triển ra toàn Thế giới.

Dự kiến cho năm 2020, tình hình tiêu thụ trong nước cũng như xuất khẩu đều sẽ tốt hơn so với năm 2019, công ty cũng đã đề ra kế hoạch dự án, để triển khai thực hiện toàn diện về mọi mặt bao gồm hoạt động kinh doanh, sản xuất và nghiên cứu khai thác, quản lý điều hành, tài chính, nguồn nhân lực, v.v..., nhằm kiểm soát giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm một cách có hiệu quả. Thông qua việc tiếp tục duy trì những kế hoạch tăng cường tiếp thị bán hàng, chúng tôi tin chắc rằng sẽ có thể hoàn thành mục tiêu dự kiến cho năm 2020.

Công ty chúng tôi thành lập đến nay đã được 26 năm, rất nhiều đồng nghiệp vẫn rất gắn bó nỗ lực đồng hành cùng công ty, cùng nhau phát triển, tôi thấy cảm động vô cùng và rất cảm ơn mọi người. Năm 2020 do tình hình dịch bệnh ảnh hưởng, nhân tố bên ngoài thay đổi nhanh chóng, đối với chúng tôi đây là một năm đầy thách thức, nhưng tôi tin rằng dưới sự phối hợp chung sức của toàn thể công nhân viên, nhất định sẽ có thể khắc phục và vượt qua được những khó khăn, và chúng ta chắc chắn sẽ ngày càng tốt hơn.

Cuối cùng, xin gửi lời cảm ơn mọi người đã tiếp tục ủng hộ và đồng hành cùng công ty, hy vọng những ý kiến đóng góp sẽ giúp công ty ngày càng phát triển.

Trân trọng,

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2019

- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera
- Căn cứ vào Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 của Công ty
- Căn cứ vào quá trình hoạt động kiểm soát trong năm 2019.

Ban kiểm soát xin trình bày báo cáo trước Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 được tổ chức vào ngày 24/04/2020.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera đã triệu tập 4 cuộc họp định kỳ trong năm 2019 và thực hiện kiểm tra thường kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng của Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera trong năm 2019. Việc kiểm tra được thực hiện thuận lợi, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty. Kết quả kiểm tra như sau:

1. Về sản xuất kinh doanh

Bảng so sánh các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2018 & 2019. Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2019	NĂM 2018
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.119.649.029.151	1.369.245.628.068
2	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	8.134.546.940	(114.207.380.122)
3	Tiền mặt và TGNH	97.621.401.222	146.583.527.680
4	Khoản vay Ngân hàng	344.940.543.186	526.788.205.386
5	Lợi nhuận gộp bán hàng/doanh thu thuần	17,20%	10,3%
6	LNST của công ty mẹ/Doanh thu thuần	0,74%	-8,5%
7	LNST của công ty mẹ /Vốn Điều lệ	1,79%	-25,1%
8	Tỷ lệ tổng nợ trên tổng tài sản	53%	64%
9	Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,28	1,19
10	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	0,44	0,49
11	Hệ số ROA (Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản)	3,10%	-6,82%
12	Hệ số ROE (tỷ số lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu)	1,79%	-25,72%
13	EPS (Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu)	179	(2.514)

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty nêu trên đã được thể hiện rõ ràng trong báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty. Các báo cáo này đã được kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Phía Nam-AASCs) kiểm toán, xác nhận. Ban kiểm soát đã đối chiếu số liệu của báo cáo với sổ kế toán, sổ sách của Công ty được tổ chức khoa học, ghi chép rõ ràng rất thuận lợi cho việc kiểm tra. Ban kiểm soát thống nhất xác nhận các chỉ tiêu thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty được Chủ tịch HĐQT báo cáo như đã nêu trên.

2. Phân phối sản phẩm

Việc phân phối sản phẩm sẽ được thực hiện trực tiếp và gián tiếp. Taicera thiết lập một mạng lưới phân phối rộng khắp trong và ngoài nước, bao gồm các cửa hàng và đại lý. Sản phẩm sẽ được bán gián tiếp thông qua đại lý hoặc trực tiếp thông qua các cửa hàng và công trình xây dựng.

- Thị trường nước ngoài: Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Thái Lan, Indonesia, Malaysia.

- Trong nước: chủ yếu 6 chi nhánh, lần lượt đặt tại Tp.HCM, Hà Nội, Hải Phòng, Cần Thơ, Nha Trang, Đà Nẵng.

- Tỷ lệ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu năm 2019 lần lượt là 74,4% và 25,6%, lượng xuất khẩu giảm 23,6% so với năm ngoái.

3. Kiểm soát chi phí

Công ty thực hiện kiểm soát dự toán chi phí sản xuất và chi phí quản lý nhằm phân bổ nguồn lực hiệu quả để đạt được các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đề ra.

Trên đây là nội dung kết quả quá trình kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng

TM. BAN KIỂM SOÁT

TSENG CHI HUA

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất 2019 đã kiểm toán

Kính gửi: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH2013 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera kính trình Đại hội cổ đông thường niên thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) và đã được công bố theo quy định, bao gồm:

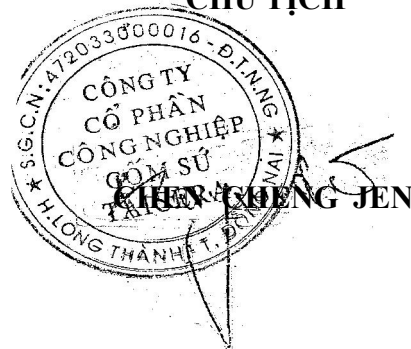
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TỜ TRÌNH

V/v: Báo cáo phân phối lợi nhuận năm 2019

Kính gửi: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA

- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera;
- Căn cứ Báo cáo tài chính 2019 đã được kiểm toán;
- Căn cứ Kế hoạch hoạt động Sản xuất Kinh doanh năm 2020.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera kính trình Đại hội cổ đông thường niên thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

Tổng lợi nhuận trước thuế trong năm 2019:	8.165.044.744 đồng
Mức thuế dự kiến của năm 2019:	không
Lợi nhuận sau thuế trong năm 2019:	8.165.044.774 đồng
LNST của công ty mẹ trong năm 2019:	8.134.546.940 đồng

Do xem xét môi trường kinh tế tổng thể cũng như số dư lợi nhuận giữ lại, vì vậy công ty không có chi trả cổ tức, không trích lập các quỹ và không chi trả tiền thù lao cho Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm soát.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng,



TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2020

Kính gửi: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp hiện hành.
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera.
- Căn cứ vào Luật thuế thu nhập Doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera kính trình đại hội cổ đông thường niên thông qua Quyết định chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2020:

Công ty TNHH Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs)

- Địa chỉ trụ sở chính: 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028.3820.5944 – 820.5947 Fax: 028.3820.5942
- Email: aascsvnn.vn Website: www.aascsvnn.vn

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng,



TỜ TRÌNH

V/v: Thay đổi Quỹ đầu tư phát triển

Kính gửi: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA

- Căn cứ vào Luật kế toán hiện hành.

Nay Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera kính trình đại hội cổ đông thường niên thông qua quyết định chuyển một phần tiền từ Quỹ đầu tư phát triển vào hạng mục Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu, cụ thể như sau:

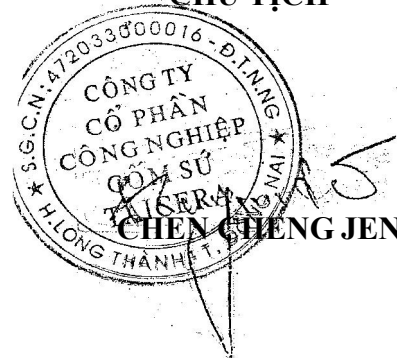
- Quỹ đầu tư phát triển (lũy kế đến thời điểm hiện tại):	37.211.615.787 đồng
- Số tiền trích chuyển qua: (chiếm khoảng 15% Quỹ đầu tư phát triển):	5.581.742.368 đồng

Mục đích sử dụng: số tiền này sẽ được dùng để chi cho các hạng mục liên quan về tài chính Công ty và phục vụ cho mục đích phát triển dài hạn của Công ty phù hợp với quy định Luật kế toán Việt Nam.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng,

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2019

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gốm sứ Taicera (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gốm sứ Taicera là doanh nghiệp được thành lập tại nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam với thời gian hoạt động là 50 năm kể từ ngày 11 tháng 01 năm 1994 theo Giấy phép đầu tư số 764/GP của Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư cấp.

Ngày 09/08/2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp giấy phép số 764CPH/CP chấp nhận cho Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài với số vốn đầu tư là 66.166.667 Đô la Mỹ, vốn điều lệ là 250.045.940.000 đồng.

Ngày 08 tháng 11 năm 2006, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán nhà nước có quyết định số 65/UBCK-ĐKPH cho phép Công ty được phát hành ra công chúng 3.900.600 cổ phiếu với mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đ.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 4, mã số doanh nghiệp 3600254001, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 17 tháng 05 năm 2017; Và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ mười bảy, mã số dự án 4336586377, do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 22 tháng 06 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 454.328.360.000 VND.

Công ty có hai công ty con như sau:

Công ty con

Công ty TNHH Phát Triển Taicera

Công ty TNHH Teknia

Địa chỉ

Lô C2, Đường K1, KCN Cát Lái - Cụm II, P. Thạnh Mỹ Lợi, Q. 2, TP. HCM

247, Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP HCM

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 8.134.546.940 VND (Năm 2018 Lỗ sau thuế của Công ty mẹ là 114.207.380.122 VND).

Lỗ lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019 là 131.287.724.891 VND (Lỗ lũy kế tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2019 là 139.422.271.831 VND).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông CHEN CHENG JEN	Chủ tịch
Ông CHEN SIN SIANG	Thành viên
Ông CHEN WEN CHIN	Thành viên
Ông CHEN JO YUAN	Thành viên
Ông HSU JONG CHIN	Thành viên
Ông HSU RONG SHENG	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm:

Ông CHEN YUAN MING	Tổng Giám đốc
Ông LAI PING SHAN	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông TSENG CHI HUA	Trưởng ban kiểm soát
Ông CHEN YUAN YU	Thành viên
Bà CHIEN SU CHEN	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán áp dụng, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

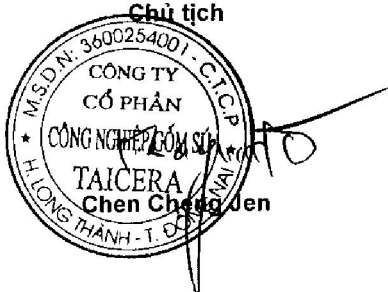
PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gỗ sứ Taicera phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đồng Nai, ngày 22 tháng 01 năm 2020

Thay mặt Hội đồng quản trị

Chủ tịch



Đồng Nai, ngày 22 tháng 01 năm 2020

Thay mặt Ban Giám đốc

Tổng Giám Đốc

Chen Yuan Ming



Số : 180 /BCKT/TC/2020/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gốm sứ Taicera

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gốm sứ Taicera

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghiệp gốm sứ Taicera ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 22 tháng 01 năm 2020 từ trang 04 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong các báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2020

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc

(Signature of Lê Văn Tuấn)

LÊ VĂN TUẤN

Số Giấy CN ĐKHN KT: 0479-2018-142-1

Kiểm toán viên

(Signature of Tạ Quang Long)

TẠ QUANG LONG

Số Giấy CN ĐKHN KT: 0649-2018-142-1



29 Võ Thị Sáu Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942
Email: info@ascs.com.vn Website: www.ascs.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		694.841.790.341	934.524.392.565
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	97.621.401.222	146.583.527.680
111	1. Tiền		97.621.401.222	145.373.299.735
112	2. Các khoản tương đương tiền			1.210.227.945
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		20.952.000.000	11.573.151.090
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	04	20.952.000.000	11.573.151.090
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		123.652.299.053	197.355.937.774
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	97.333.017.647	164.492.855.189
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		3.993.761.578	9.267.016.856
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	06	29.539.354.073	29.792.277.216
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	07	(7.213.834.245)	(6.196.211.482)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho	08	432.417.242.461	546.952.930.329
141	1. Hàng tồn kho		433.913.993.146	548.770.541.326
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(1.496.750.685)	(1.817.610.997)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		20.198.847.605	32.058.845.692
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	10.315.067.665	21.983.865.679
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		6.517.085.740	6.382.758.592
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	3.366.694.200	3.692.221.421
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		319.743.769.916	368.168.505.769
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		15.453.885.990	13.780.809.097
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	06	15.453.885.990	13.780.809.097
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
220	II. Tài sản cố định		302.163.176.298	318.497.190.329
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	300.767.098.709	316.512.447.532
222	- Nguyên giá		1.652.425.267.260	1.631.688.837.476
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.351.658.168.551)	(1.315.176.389.944)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	1.396.077.589	1.984.742.797
228	- Nguyên giá		4.607.959.199	4.607.959.199
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3.211.881.610)	(2.623.216.402)
230	III. Bất động sản đầu tư			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		465.628.007	35.372.224.301
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	465.628.007	35.372.224.301
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	04		
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.661.079.621	518.282.042
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.661.079.621	518.282.042
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.014.585.560.257	1.302.692.898.334

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		541.333.224.744	830.511.765.157
310	I. Nợ ngắn hạn		501.692.635.893	783.843.765.157
311	1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	14	115.309.848.272	212.719.696.982
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		14.731.353.962	17.354.170.364
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.003.508.201	803.329.379
314	4. Phải trả người lao động		16.208.045.432	16.734.028.252
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	7.671.133.320	8.562.375.660
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	17	828.203.520	881.959.135
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	344.940.543.186	526.788.205.386
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		39.640.588.851	46.668.000.000
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác	17	1.330.000.000	168.000.000
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	38.310.588.851	46.500.000.000
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		473.252.335.513	472.181.133.177
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	473.252.335.513	472.181.133.177
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		454.328.360.000	454.328.360.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		454.328.360.000	454.328.360.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		86.520.960.000	86.520.960.000
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ		(76.940.800)	(76.940.800)
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		37.211.615.787	41.346.239.763
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		6.321.084.784	5.970.123.553
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(131.287.724.891)	(139.422.271.831)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(139.422.271.831)	(25.214.891.700)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		8.134.546.940	(114.207.380.122)
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		20.234.980.633	23.514.662.212
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.014.585.560.257	1.302.692.898.334

Người lập biểu

Trần Đình Tâm

Trần Đình Tâm

Kế toán trưởng

Lai Ping Shan

Lai Ping Shan

Đồng Nai, ngày 22 tháng 01 năm 2020

Tổng Giám Đốc

Chen Quan Ming



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.119.649.029.151	1.369.245.628.068
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	18.373.372.238	19.952.076.478
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.101.275.656.913	1.349.293.551.590
11	4. Giá vốn hàng bán	23	911.833.671.213	1.211.047.830.923
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		189.441.985.700	138.245.720.667
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	5.738.281.405	7.957.946.859
22	7. Chi phí tài chính	25	32.164.932.524	38.608.772.777
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		27.865.050.047	27.988.609.234
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			
25	9. Chi phí bán hàng	26	115.508.981.854	129.891.867.778
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	85.869.570.421	99.032.839.614
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(38.363.217.694)	(121.329.813.093)
31	12. Thu nhập khác	28	46.628.344.996	4.580.072.152
32	13. Chi phí khác	29	100.082.528	88.574.463
40	14. Lợi nhuận khác		46.528.262.468	4.491.497.689
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.165.044.774	(116.838.315.404)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30		
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.165.044.774	(116.838.315.404)
61	19. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của Công ty mẹ		8.134.546.940	(114.207.380.122)
62	20. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		30.497.834	(2.630.935.282)
70	21. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	31	179	(2.514)
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			

Đồng Nai, ngày 22 tháng 01 năm 2020

Người lập biểu

Trần Đình Tâm

Kế toán trưởng

Lai Ping Shan



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
01	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
	1. Lợi nhuận trước thuế		8.165.044.774	(116.838.315.404)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	1. Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		59.162.552.083	86.995.486.294
03	2. Các khoản dự phòng		696.762.451	(691.549.513)
04	3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(89.298.843)	441.659.022
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.437.893.970)	(997.028.202)
06	5. Chi phí lãi vay		27.865.050.047	27.988.609.231
07	6. Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		91.362.216.542	(3.101.138.569)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		70.908.681.789	(20.462.162.291)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		114.856.548.180	(74.729.367.131)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(98.365.867.806)	(7.399.781.771)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		10.526.000.435	(1.775.037.661)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(28.283.471.821)	(27.580.016.221)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp			(793.595.885)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			112.910.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.783.663.025)	(8.265.749.749)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		157.220.444.294	(143.993.939.278)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(7.921.941.758)	(12.553.842.050)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			50.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(9.378.848.910)	(11.573.151.090)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			11.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.127.737.728	998.787.924
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(16.173.052.940)	(12.078.205.216)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền thu từ đi vay		860.973.510.115	1.100.946.988.268
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.051.010.583.464)	(991.363.130.944)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(190.037.073.349)	109.583.857.205
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(48.989.681.995)	(46.488.287.827)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		146.583.527.680	192.840.815.205
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		27.555.537	230.999.645
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	97.621.401.222	146.583.527.680

Đồng Nai, ngày 22 tháng 01 năm 2020

Người lập biểu



Trần Đình Tâm

Kế toán trưởng



Lai Ping Shan



Chen Yuan Ming

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1.1 Thông tin doanh nghiệp

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp gốm sứ Taicera là doanh nghiệp được thành lập tại nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam với thời gian hoạt động là 50 năm kể từ ngày 11 tháng 01 năm 1994 theo Giấy phép đầu tư số 764/GP của Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư cấp.

Ngày 09/08/2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp giấy phép số 764CPH/CP chấp nhận cho Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài với số vốn đầu tư là 66.166.667 Đô la Mỹ, vốn điều lệ là 250.045.940.000 đồng.

Ngày 08 tháng 11 năm 2006, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán nhà nước có quyết định số 65/UBCK-ĐKPH cho phép Công ty được phát hành ra công chúng 3.900.600 cổ phiếu với mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đ.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 4, mã số doanh nghiệp 3600254001, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 17 tháng 05 năm 2017; Và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ mười bảy, mã số dự án 433658637 do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 22 tháng 06 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 454.328.360.000 VND.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, sản xuất.

1.3 Hoạt động chính của Công ty là:

Sản xuất, mua bán gạch thạch anh phản quang, gạch men và các sản phẩm gốm sứ.

1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

1.5 Cấu trúc Nhóm Công ty

Tổng số Công ty con: 02

- Số lượng Công ty con được hợp nhất: 02
- Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0

Các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính:

- Tên công ty : Công ty TNHH Phát Triển Taicera
Địa chỉ : Lô C2, Đường K1, KCN Cát Lái - Cụm II, P. Thạnh Mỹ Lợi, Q. 2, TP. HCM
Vốn điều lệ : 41.010.706.134 VND
Tỷ lệ lợi ích : 51,00%
Tỷ lệ biểu quyết : 51,00%
- Tên công ty : Công ty TNHH Teknia
Địa chỉ : 247, Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP HCM
Vốn điều lệ : 14.482.440.000 VND
Tỷ lệ lợi ích : 100,00%
Tỷ lệ biểu quyết : 100,00%

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn sửa đổi, bổ sung.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;



- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả kinh doanh của kỳ kế toán.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|----------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 4% |
| - Máy móc, thiết bị | 8% - 16% |

- Phương tiện vận tải	10%
- Thiết bị công cụ quản lý	12,5%

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
 - Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn được bổ sung từ kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của chính sách tài chính, quyết định của các chủ sở hữu vốn và của Hội đồng Quản trị.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

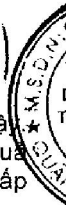
Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.



Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

Phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:

- + Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con;
- + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát;
- + Các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ với Công ty con;
- + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của gồm:

- + Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán giữa Công ty mẹ và Công ty con;
- + Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính giữa Công ty mẹ và Công ty con;
- + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
- + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con.

